

CONG VĂN ĐẾN
Ngày: 31/5/24
Vào số số: 509
Chuyến đơn vị:

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO
TUYÊN NGHIÊN CỨU SINH NĂM 2024

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-VKHTDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Viện Khoa học Thể dục thể thao ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Viện Khoa học Thể dục thể thao thông báo tuyển nghiên cứu sinh ngành Thể dục thể thao năm 2024 như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG DỰ TUYỂN, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

(1) Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học về thể dục thể thao loại giỏi trở lên phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

Trường hợp bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp thạc sĩ về thể dục thể thao do nước ngoài cấp phải được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo Thông tư 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2021 về Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam. Việc đánh giá xếp loại tốt nghiệp, kết quả học tập theo quy định về đánh giá thang điểm của cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc xét tương đương theo đánh giá xếp loại của Việt Nam.

(2) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

(3) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố;



*Phụ tá
Viện DT*

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

(4) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

(5) Kinh nghiệm công tác: có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

(6) Được cơ quan cử đi dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. *(nếu có)*

2. Thời gian và hình thức đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 03 năm tập trung liên tục; đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 04 năm tập trung liên tục.

- Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục, được Viện chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định về thời gian đào tạo trên, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Viện để thực hiện đề tài nghiên cứu.

II. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

1. Đơn đăng ký dự tuyển NCS (phụ lục 01).
2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan hoặc chính quyền nơi cư trú
3. Bản sao công chứng bằng đại học, bằng điểm đại học; bằng thạc sĩ, bằng điểm cao học (các văn bằng do nước ngoài cấp phải có bản công chứng dịch thuật và giấy công nhận Cục quản lý chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo).
4. Bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ về ngoại ngữ. (phụ lục 02).

5. Bản sao chụp các bài báo khoa học đã công bố (gồm: trang bìa, mục lục và toàn văn bài báo) hoặc có minh chứng về kinh nghiệm công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ (đối với người dự tuyển có trình độ đại học).

6. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa theo chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Khoa học Thể dục thể thao (Phụ lục 03).

7. Minh chứng thâm niên công tác (Quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động...) (nếu có).

8. Hai ảnh cỡ 3x4; hai phong bì dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên hệ.

9. Bản cam kết về nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện Khoa học Thể dục thể thao (Phụ lục 04).

III. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ

- Thí sinh nộp hồ sơ từ ngày 12/6/2024 đến 11/2024 tại Phòng Đào tạo và Quản lý Khoa học, Viện Khoa học Thể dục thể thao – 141 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội.

- Lệ phí xét tuyển: 2.000.000^d/ứng viên.

- Hồ sơ và lệ phí xét tuyển không hoàn lại.

IV. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM XÉT TUYỂN

- Dự kiến thời gian xét tuyển vào tháng 12/2024.

- Địa điểm: Viện Khoa học Thể dục thể thao.

Mọi thông tin chi tiết liên hệ về Phòng Đào tạo và Quản lý Khoa học, Viện Khoa học TĐTT, 141 Nguyễn Thái Học, Ba Đình, Hà Nội.

Số điện thoại: 043 8453.122; Đ/c: Bùi Ngọc 0916.611.258; Nguyễn Thị Thu Hương 0985.631.315.

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT;
- Vụ Đào tạo, Bộ VH-TT-DL; (để báo cáo)
- Cục Thể dục thể thao; (cáo)
- Các Trường Đại học, Cao đẳng, Sở VH, TT & DL, Các Trung tâm huấn luyện thể thao;
- Các ngành khác có nhu cầu;
- Website: <http://www.vkhtdt.vn>;
- Lưu VT, ĐTQL, (H100).

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Trần Tuấn Hiếu

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ
(để xét trình độ ngoại ngữ khi dự tuyển)

(Thực hiện theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

* **Ghi chú:** Đối với một số chứng chỉ quốc tế không thông dụng khác, cơ sở đào tạo cần gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo cho ý kiến về việc qui đổi tương đương.

DỰ THẢO ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Đề cương nghiên cứu có khối lượng tối đa đến 30 trang, không kể các mẫu bảng biểu, phụ lục và tài liệu tham khảo, gồm những nội dung chính sau:

Tên đề tài: “*Tên đề tài khoa học ngắn gọn, phản ánh một cách cô đọng nhất về định hướng và nội dung nghiên cứu*”.

Vấn đề được nghiên cứu phải có giá trị khoa học và thực tiễn, phải phù hợp với Tên ngành đào tạo. Hướng nghiên cứu nên đi sâu vào nghiên cứu 1 – 2 vấn đề để kết luận có tính khoa học cao.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

- NCS cần lý giải rõ hướng nghiên cứu của đề tài nhằm giải quyết vấn đề gì. Có thể 1 đề tài chỉ giải quyết được 1 vấn đề, nhưng cũng có thể nhiều hơn (2 hoặc 3)

- Trình bày lý do tại sao chọn vấn đề nghiên cứu này?

- NCS phải đặt ra các giả thiết (hypothesis) Trong nghiên cứu không riêng gì các ngành kinh tế - xã hội mà các ngành kỹ thuật đều phải cần hoặc Giả thiết hoặc Giả thuyết hoặc cả 2.

1.2. Mục đích nghiên cứu:

1.3. Mục tiêu nghiên cứu:

NCS phải đưa ra được các mục tiêu tổng quát: Nêu được mục tiêu cuối cùng, chung nhất của vấn đề nghiên cứu là nhằm giải quyết vấn đề gì cho đề tài nghiên cứu.

Sau đó xác định các mục tiêu thứ cấp: mục tiêu cụ thể cần đạt được để giải quyết được mục tiêu tổng quát đã đề ra.

1.4. Giả thuyết khoa học của đề tài.

2. Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU:

1.1. Một số khái niệm liên quan: *Khoảng 30 trang NCS cần trình bày kỹ trong khoảng 8-10 trang, trong đó phần tổng quan chung chiếm 1/3, các vấn đề cần nghiên cứu cần được phân tích kỹ (khoảng 2/3 tổng quan tài liệu).*

Thí sinh trình bày có logic các vấn đề để chỉ đúng tầm quan trọng của đề tài.

Nêu được các nghiên cứu có liên quan đến vấn đề nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước. Các tác giả, nhà nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực đã làm được gì? Những vấn đề gì còn tồn tại cần nghiên cứu tiếp?

Đề tài nghiên cứu hiện tại đang ở trạng thái nào? (đề tài mới bắt đầu? hay tiếp tục những nghiên cứu trước đây của NCS?.....).

3. Chương 2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu:

2.1.2. Phạm vi nghiên cứu

2.2. Phương pháp nghiên cứu:

2.2.1. Phương pháp.....

2.2.2.

(Nêu tên, nội dung của các phương pháp nghiên cứu, bố trí, xử lý số liệu của thực nghiệm và việc vận dụng các phương pháp này vào đề tài nghiên cứu. Nếu có mô hình thì phải nêu được mô hình lý thuyết và mô hình thực nghiệm trong nghiên cứu này. Tùy đề tài có thể có phần lý thuyết cơ bản).

2.3. Tổ chức nghiên cứu:

2.3.1. Phạm vi nghiên cứu:

2.3.2. Thời gian nghiên cứu:

4. Chương 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN (DỰ BÁO)

5. DỰ TRÙ KINH PHÍ: Căn cứ vào nội dung cần nghiên cứu của đề tài để lập dự trữ kinh phí

6. DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cán bộ HDKH 1

Cán bộ HDKH 2

Nghiên cứu sinh

-----//-----

HÌNH THỨC TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG

- Trang bìa (đóng bìa mẫu)
 - Trang phụ bìa
 - Trình bày:
- } (theo mẫu)

Đề cương trình bày trên giấy một mặt khổ A4 (tối thiểu là 30 trang), chữ Times New Roman 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương, mật độ chữ bình thường, không kéo giãn hay nén chữ, dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 line. Căn lề: trên: 3,5 cm, dưới: 3,0 cm, trái: 3,5 cm, phải: 2,0 cm; Số trang được điền ở giữa lề trên.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN KHOA HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ

TÊN ĐỀ CƯƠNG DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU

Tên ngành: Giáo dục học

Mã ngành: 914 01 01

Họ và tên:

Cơ quan công tác:

Nhiệm vụ đang đảm nhiệm:

HÀ NỘI – 2024

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN KHOA HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

ĐỀ CƯƠNG LUẬN ÁN TIẾN SĨ

TÊN ĐỀ CƯƠNG DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU

Tên ngành: Giáo dục học

Mã ngành: 914 01 01

Cán bộ hướng dẫn khoa học (dự kiến)

- 1.
- 2.

HÀ NỘI – 2024

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
Ngành Giáo dục học – Mã ngành 9140101 (lĩnh vực Thể dục thể thao)

(Ban hành kèm theo quyết định số 55/QĐ-VKHTDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2023
 của Viện trưởng Viện Khoa học Thể dục thể thao)

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG:

1.	Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt và Tiếng Anh)	Giáo dục học (Education Science)
2.	Mã số	9140101
3.	Đơn vị quản lý	Phòng Đào tạo và Quản lý khoa học.
4.	Văn bằng dự tuyển đầu vào	
4.1	Bằng Thạc sĩ ngành đúng, phù hợp.	Nghiên cứu sinh tuyển đầu vào là thạc sĩ: Ngành Giáo dục thể chất – mã ngành: 60140103; Ngành Huấn luyện thể thao – mã ngành: 60140104; Ngành Giáo dục học – mã ngành: 8140101.
4.2	Bằng Đại học ngành đúng, phù hợp (học bổ sung kiến thức trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành giáo dục học)	Nghiên cứu sinh tuyển đầu vào là cử nhân thể dục thể thao: Ngành Giáo dục thể chất; Ngành Huấn luyện thể thao; Ngành Quản lý thể dục thể thao; Ngành Y sinh học thể dục thể thao;
5.	Mục tiêu	Trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu, hiện đại về khoa học giáo dục và kiến thức trong các lĩnh vực khoa học TDDT có liên quan; giúp nghiên cứu sinh nâng cao kiến thức về lý thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, phát hiện và giải quyết những vấn đề mới về khoa học và công nghệ, hướng dẫn nghiên cứu khoa học, giảng dạy và hoạt động chuyên môn;
6.	Mô tả nội dung bậc trình độ tiến sĩ. (Mục h khoản 5 điều 1 Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 và Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6)	Trình độ của người học có Kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu về lĩnh vực TDDT; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong

	<i>năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học</i>	<p>lĩnh vực TĐTT; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.</p> <p>Yêu cầu khối lượng học tập: tối thiểu 90 tín chỉ đối với người có bằng thạc sĩ; tối thiểu 120 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.</p>
7.	Chuẩn đầu ra (Learning Outcomes - LO)	<i>Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ</i>
7.1	Kiến thức	<ul style="list-style-type: none"> - Có kiến thức thực tiễn, chuyên sâu về lĩnh vực khoa học TĐTT. - Có kiến thức cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực TĐTT. - Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới về lĩnh vực TĐTT. - Có kiến thức về quản trị trong lĩnh vực TĐTT.
7.2	Kỹ năng	<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực TĐTT. - Có kỹ năng tổng hợp, bổ sung tri thức chuyên môn về TĐTT. - Có kỹ năng suy luận, phân tích các vấn đề khoa học về TĐTT và đưa ra những hướng xử lý một cách sáng tạo, độc đáo. - Có kỹ năng quản lý điều hành chuyên môn thuộc lĩnh vực TĐTT trong nghiên cứu và phát triển. - Có kỹ năng tham gia thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành hoặc lĩnh vực nghiên cứu về TĐTT và phổ biến kết quả nghiên cứu về TĐTT.
7.3	Mức tự chủ và trách nhiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới về TĐTT. - Đưa ra các ý tưởng, kiến thức mới trong những hoàn cảnh phức tạp và khác nhau. - Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác. - Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia. - Quản lý nghiên cứu và có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới và quá trình mới.

PHẦN II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

1. Thời gian đào tạo:

03 năm cho nghiên cứu sinh tốt nghiệp thạc sĩ.

04 năm cho nghiên cứu sinh tốt nghiệp đại học.

2. Chương trình đào tạo tiến sĩ: 90 tín chỉ trong đó:

2.1. Các học phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề và bài tiểu luận tổng quan (16 tín chỉ)

2.1.1. Các học phần trình độ tiến sĩ (trong đó: 6 tín chỉ bắt buộc; 2 tín chỉ tự chọn)

NCS phải tham gia trên 75% số tiết học trên lớp quy định của mỗi học phần và có đủ bài kiểm tra, bài tập, thực hành (nếu có); NCS không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần phải học lại học phần ở các học kỳ tiếp theo.

- Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp hoặc kết hợp giữa các hình thức trên;

- Thang điểm: theo thang điểm 10. Nếu điểm thi kết thúc học phần < 5 điểm được phép thi lại lần 2. Điểm thi lần 2 < 5 điểm thì phải học lại học phần ở các học kỳ tiếp theo.

2.1.2. Chuyên đề và Tiểu luận (trong đó: 4 tín chỉ chuyên đề và 4 tín chỉ tiểu luận)

- Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

Kiểm tra, đánh giá: theo thang điểm 10. Tối thiểu 5 điểm.

- Tiểu luận tổng quan luận án tiến sĩ:

Kiểm tra, đánh giá: ở mức đạt yêu cầu hay không đạt yêu cầu.

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết lý thuyết	Số tiết thực hành	Năm học
A	Học phần bắt buộc (6 tín chỉ)							
1.	HPTS 1	Lý luận và Phương pháp Thể dục thể thao	2	2		15	30	1
2.	HPTS 2	Quản lý Thể dục thể thao	2	2		15	30	1
3.	HPTS 3	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Thể dục thể thao	2	2		15	30	1
B	Học phần tự chọn (2 tín chỉ) NCS căn cứ vào hướng đề tài nghiên cứu lựa chọn các học phần dưới đây:							
1.	HPTC 1	Y học Thể dục thể thao	2		2	15	30	1
2.	HPTC 2	Đo lường thể thao	2		2	15	30	1
3.	HPTC 3	Sinh lý học Thể dục thể thao	2		2	30		1

4.	HPTC 4	Kinh tế học Thể dục thể thao	2		2	15	30	1
5.	HPTC 5	Tâm lý học Thể dục thể thao	2		2	30		1
6.	HPTC 6	Thể thao cho mọi người	2		2	15	30	1
7.	HPTC 7	Lý luận thể thao thành tích cao	2		2	15	30	1
8.	HPTC 8	Huấn luyện thể thao	2		2	30		1
9.	HPTC 9	Khoa học tuyển chọn thể thao	2		2	15	30	1
10.	HPTC 10	Thể dục thể thao trường học	2		2	15	30	1
C	Chuyên đề và Tiểu luận tổng quan (8 tín chỉ)							
11	Chuyên đề (02 chuyên đề)		4	4				2, 3
12	Tiểu luận (01)		4	4				2, 3
	Tổng cộng		16	16	02			

2.2. Nghiên cứu khoa học, báo cáo khoa học, ngoại ngữ và hoàn thành luận án tiến sĩ (tối thiểu 65 tín chỉ)

1. Nghiên cứu khoa học: Cả quá trình học.

2. Luận án tiến sĩ: Năm thứ 3 hoặc năm thứ 4.

(năm thứ 3 đối với NCS có bằng thạc sĩ; năm thứ tư đối với NCS có bằng đại học)

STT	Nội dung	Bắt buộc (TC)	Năm học
1.	Các công bố khoa học: Bài báo khoa học, sách phải đạt 2,0 điểm trở lên tính theo thang điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định (Lựa chọn 1 trong 3 tiêu chí dưới đây).	10	
1.1	Có 01 bài báo khoa học, là tác giả chính của báo cáo Hội nghị khoa học thuộc danh mục WoS/Scopus.	10	2, 3, 4
1.2	03 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư Nhà nước đánh giá 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo.	10	2, 3, 4
1.3	Sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành	10	2, 3, 4
2.	Thay thế bằng minh chứng (lựa chọn một trong các minh chứng dưới đây)	10	
2.1	Có minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế.	10	2, 3, 4
2.2	01 giải thưởng chính thức cho cuộc thi quốc gia, quốc tế	10	2, 3, 4

STT	Nội dung	Bắt buộc (TC)	Năm học
	được công nhận cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nhóm ngành thể dục, thể thao có đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.		
3.	Luận án tiến sĩ.	64	
4.1	Hoạt động nghiên cứu khoa học.	54	3, 4
4.2	Báo cáo kết quả nghiên cứu cho người hướng dẫn, đơn vị quản lý của viện, hoàn chỉnh luận án.	10	3, 4
	Tổng cộng	74	

2.2. Nghiên cứu sinh có bằng đại học ngành phù hợp (quy định tại mục 4.2, phần I):

2.2.1. Hoàn thành các học phần thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ:

Nghiên cứu sinh cần hoàn thành các học phần theo chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Giáo dục học lĩnh vực Thể dục thể thao hiện hành (trừ các học phần ngoại ngữ, nghiên cứu khoa học, luận văn thạc sĩ) của các cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ được Viện hợp tác gửi nghiên cứu sinh theo học hoàn thiện các học phần thạc sĩ. Thời gian hoàn thiện các học phần tiến sĩ được thực hiện trong 1- 2 năm đầu của quá trình đào tạo.

2.2.2. Hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ:

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ trình bày tại mục 2.1./.

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo: Giáo dục học

Mã ngành đào tạo: 9140101

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	04 -06 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố,...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	Luận án và các bài công bố,...

Lưu ý: phân in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

CỤC THỂ DỤC THỂ THAO
VIỆN KHOA HỌC THỂ DỤC THỂ THAO

Phụ lục 04
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BẢN CAM KẾT

Kính gửi: Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh
Viện Khoa học Thể dục thể thao năm 2024

Tên tôi là: thí sinh dự tuyển NCS của Viện Khoa học Thể dục thể thao năm 2024.

Tôi xin cam kết: nếu trúng tuyển nghiên cứu sinh của Viện Khoa học Thể dục thể thao, sẽ thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án Tiến sĩ).

Trân trọng./.

NGƯỜI CAM KẾT

(Ký và ghi rõ họ tên)

